

LOCAL KNOWLEDGE OF THE SAN DIU PEOPLE AND ITS IMPLICATIONS FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN TUYEN QUANG PROVINCE

Le Thi Bích Thuy^a
Tran Quoc Hung^b

Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: ^alebichthuyhcm@gmail.com; ^bhungtq@hvdt.edu.vn

Received: 17/5/2024; Reviewed: 24/5/2024; Revised: 27/5/2024; Accepted: 28/5/2024; Released: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/314>

Local knowledge is a vast and valuable knowledge treasure of the Vietnamese ethnic communities. It is one of the factors that constitute the cultural identity of each ethnic group, contributing to the richness of Vietnam's traditional cultural identity. In the development process, the local knowledge of ethnic groups in production labor, natural resource management, ... plays an important role in maintaining and developing farming techniques suitable to natural conditions and production methods, contributing to improving the quality of life of each ethnic group in each locality and region. This paper provides an overview of the local knowledge of the San Diu people in Tuyen Quang province, showcasing the creativity and diversity of their cultural heritage and highlighting the potential for leveraging this knowledge to promote socio-economic development in Tuyen Quang province.

Keywords: Local knowledge; San Diu people; Tuyen Quang province.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội (KT-XH) hiện nay, khi các quan hệ xã hội và thành phần kinh tế có những biến đổi mạnh mẽ, đồng thời với sự phát triển của đời sống xã hội đương đại, biến đổi khí hậu có chiều hướng ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp, việc tìm hiểu, khai thác và ứng dụng các tri thức địa phương (TTĐP) của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung và dân tộc Sán Diu ở tỉnh Tuyên Quang nói riêng để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, hoạt động sản xuất, quản lý xã hội và quản lý các nguồn lực địa phương cũng như việc nhìn nhận giá trị và bảo tồn TTĐP có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển bền vững của các cộng đồng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm qua, TTĐP đã trở thành đối tượng nghiên cứu quan trọng của các nhà nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn, các nhà văn hoá học, y học, ... Các công trình nghiên cứu liên quan đến TTĐP của các tộc người rất đa dạng, phong phú. Trong Chương trình đào tạo giáo viên đa phương tiện của UNESCO “Dạy và học vì một tương lai bền vững”, Modul 11 với chủ đề “Tri thức địa phương và sự bền vững” và Cẩm nang “Hướng dẫn nghiên cứu tri thức địa phương” của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế (IDRC). Trong đó, nghiên cứu thứ nhất đã đề cập một cách khá chi

tiết đến một số nội dung như khái niệm, vai trò, các hình thức sử dụng TTĐP của người tại chỗ, sự khác biệt giữa TTĐP với kiến thức hàn lâm, đồng thời hướng dẫn cách vận dụng TTĐP trong dạy và học... (UNESCO, 2010). Hướng ứng “Thập kỷ Giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc”, UNESCO đã giới thiệu và khuyến khích áp dụng rộng rãi Chương trình đào tạo giáo viên đa phương tiện “Dạy và học vì một tương lai bền vững”. Chương trình gồm 27 modul, trong đó, modul thứ 11 dành riêng cho chủ đề “Tri thức địa phương và sự bền vững”. Modul này được biên soạn trong khuôn khổ Chương trình “Dạy và học vì một tương lai bền vững” do UNESCO-ACEID (Trung tâm Giáo dục Sáng tạo cho Phát triển khu vực châu Á-Thái Bình Dương) khởi xướng (UNESCO, 2010). Trong bài giới thiệu của quyển sách *Tri thức bản địa về môi trường và những biến đổi: các quan điểm nhân học phê phán*, Roy Ellen & Holly Harris cho rằng “tri thức bản địa có nguồn gốc từ các địa phương và các tập hợp trải nghiệm nhất định; chúng được sinh ra bởi con người sống tại các địa phương đó, ... là kết quả của mối quan hệ thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày” (Ellen, Roy & Harris, Holly, 2010, tr.412-413). Trong bài viết *Tri thức địa phương và vấn đề phát triển bền vững ở miền núi Việt Nam* (Bình, 1998) đã nêu lên tầm quan trọng của tri thức địa phương đối với vấn đề phát triển bền vững ở miền

núi Việt Nam. Trong đó, nhấn mạnh TTĐP như là một trong những nhân tố cốt lõi để đưa vấn đề phát triển bền vững tộc người đến sự thành công. Trong bài *Bảo tồn tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* (Giang, 2010) đề cập TTĐP của các tộc người thiểu số và trình bày vai trò của TTĐP trong cuộc sống sản xuất, chăm sóc sức khỏe, y tế, văn hóa, giáo dục,... Qua đó, đưa ra những giải pháp cần bảo tồn TTĐP. Trong bài viết *Kiến thức bản địa của người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trong thích ứng với biến đổi khí hậu* (Điền & Sơn, 2014) đã nghiên cứu và đánh giá mô hình thích ứng biến đổi khí hậu sử dụng kiến thức bản địa của các dân tộc thiểu số, trong đó có TTĐP của dân tộc Tày.

3. Phương pháp nghiên cứu

TTĐP là một vấn đề lớn, đa dạng, phong phú và được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tiếp cận ở nhiều góc độ trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu, bài viết sử dụng một số phương pháp cơ bản gồm: Phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu kết hợp các phương pháp liên ngành như: Phương pháp thu thập tài liệu, thông kê các tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những vấn đề lý luận chung

Thuật ngữ “tri thức địa phương” (Local Knowledge) hay “tri thức bản địa” (Indigenous Knowledge), được sử dụng trong một số công trình nghiên cứu với nhiều tên gọi khác nhau: “tri thức địa phương”, “kiến thức bản địa”, “kiến thức địa phương”, “văn hóa truyền thống”, “tri thức dân gian”, “bản sắc văn hóa tộc người”, “tri thức tộc người”, “phong tục tập quán”,... Trên thế giới, thuật ngữ “Tri thức địa phương” được dùng lần đầu tiên trong ấn phẩm của Robert Chambers xuất bản năm 1979. Sau đó, Brokensha và D.M.Warren sử dụng vào năm 1980 và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay (Tý & Cúc, 1998). Theo nhà nghiên cứu Warren, tri thức bản địa là do cộng đồng địa phương tích lũy và hình thành nên khi cho rằng “tri thức bản địa là tri thức địa phương - tri thức đặc thù của một xã hội hay văn hóa cụ thể. TTĐP trái với hệ thống tri thức quốc tế do các trường đại học, các viện nghiên cứu, và các công ty tư nhân tạo ra. TTĐP là cơ sở cho các quyết định ở cấp địa phương trong nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe, thực phẩm, giáo dục, quản lý tài nguyên thiên nhiên... Các kiến thức đó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong các xã hội bằng hình thức truyền khẩu” (Warren, 1991, tr.1). Nghiên cứu ứng dụng TTĐP từ lĩnh vực nghiên cứu phát triển cho thấy, TTĐP là các truyền thống lâu đời,

các kinh nghiệm, thực tiễn sống của một cộng đồng liên quan đến môi trường tự nhiên, xã hội, đời sống, tư duy của cộng đồng đó. TTĐP bao gồm các loại tri khôn, kinh nghiệm, phong tục, lễ thói ứng xử, các bài học của một cộng đồng. TTĐP được duy trì, phát triển trong một thời gian dài với sự tương tác qua lại rất gần gũi giữa con người với môi trường tự nhiên. Tập hợp những hiểu biết, kiến thức và theo nghĩa này là một phần của tổng hòa văn hoá bao gồm cả hệ thống ngôn ngữ, cách định danh và phân loại, phương thức sử dụng tài nguyên, các lễ nghi, giá trị tinh thần và thế giới quan. TTĐP được hình thành trong quá trình trải nghiệm và đúc kết qua sự chọn lọc trong quá trình vận động của cuộc sống, hướng đến sự thích nghi với đặc điểm văn hoá, xã hội và môi trường. Nó luôn được làm giàu qua việc tích hợp các kinh nghiệm mới hoặc tri thức mới có được từ quá trình tiếp biến văn hoá. Theo định nghĩa của tổ chức UNESCO, thuật ngữ TTĐP (local knowledge) được dùng để chỉ những thành phần tri thức hoàn thiện được duy trì, phát triển trong một thời gian dài với sự tương tác qua lại rất gần gũi giữa con người với môi trường tự nhiên. Đó là một phần của tổng hòa văn hoá, một tập hợp những hiểu biết và tri thức, bao gồm hệ thống ngôn ngữ, cách định danh và phân loại, phương thức sử dụng tài nguyên, các hoạt động sản xuất, các lễ nghi, giá trị tinh thần và thế giới quan. Những tri thức này là cơ sở để đưa ra những quyết định về nhiều phương diện cơ bản của cuộc sống hàng ngày tại địa phương như săn bắn, hái lượm, đánh cá, canh tác và chăn nuôi, sản xuất lương thực, nước, sức khoẻ và sự thích nghi với những thay đổi của môi trường và xã hội.

Ở Việt Nam, TTĐP là một chủ đề được nhiều nhà khoa học quan tâm. Tùy theo cách hiểu của mình, các nhà khoa học cũng đưa ra nhiều khái niệm với những nội hàm khác nhau. Mặc dù, có nhiều tên gọi và cách hiểu khác nhau nhưng đều thống nhất các yếu tố cơ bản trong khái niệm “tri thức địa phương” (local knowledge), “tri thức bản địa” (indigenous knowledge), “tri thức truyền thống” (traditional knowledge) hay “tri thức dân gian” (folklore knowledge) và thống nhất cách hiểu TTĐP là tri thức được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử của con người với môi trường và xã hội; được lưu truyền từ đời này qua đời khác qua trí nhớ, qua thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội. TTĐP chứa đựng trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống xã hội như sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi; cất trữ và chế biến thức ăn; thu hái, sử dụng cây thuốc và cách chữa bệnh; truyền thụ kiến thức qua các thế hệ trong giáo dục; bảo vệ, quản lý và khai thác hợp lý

các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tổ chức quản lý cộng đồng, giá trị xã hội, các luật lệ truyền thống trong làng bản...

4.2. Khái quát về người Sán Dìu ở tỉnh Tuyên Quang

Sán Dìu là một trong ba tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hán (Ngữ hệ Hán - Tạng). Tộc người Sán Dìu có quá trình lịch sử và phát triển lâu dài, quá trình đó được tộc người Sán Dìu ghi chép khá đầy đủ trong các cuốn gia phả bằng giấy giố và lưu truyền cẩn thận tại các dòng họ của tộc người Sán Dìu. Tộc người Sán Dìu tự nhận là “山遥人, Dzan Déo nhín”, tùy vào từng vùng miền mà ngữ điệu có sự phát âm nặng nhẹ khác nhau. Theo âm Hán Việt “Dzan Déo nhín” có thể hiểu: Dzan (山) = Sơn; nhín (人) = nhân, còn chữ “Déo” là chữ cốt lõi, căn nguyên để hiểu về tên của tộc người Sán Dìu.

Những năm cuối thập kỷ 50 của thế kỷ XX, bản danh mục tương đối đầy đủ và khá chi tiết về thành phần các dân tộc ở Việt Nam mới được công bố trong cuốn “Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam” của tác giả Lê Văn Lô và cộng sự, đã thống nhất tên gọi Sán Dìu dưới góc độ chuyên môn để phân định các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tháng 03/1960, Tổng cục thống kê trung ương chính thức khẳng định tên Sán Dìu được ghi nhận vào các văn bản Nhà nước như một tên gọi chính thống của dân tộc này. Theo thống kê toàn quốc, tổng dân số Sán Dìu năm 1989 là 94.630 người, năm 1999 là 126.237 người, năm 2009 là 146.821 người. Địa vực cư trú chủ yếu ở miền núi và trung du phía Bắc, thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc...

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019, thành phần dân tộc Sán Dìu ở tỉnh Tuyên Quang có 15.440 người, trong đó có nam 7.871 người, nữ 7.569 người. (Ủy ban Dân tộc, 2020, tr.102). Trong đó, dân tộc Sán Dìu cư trú trên toàn tỉnh Tuyên Quang được phân bố dân cư tại 04 thành phố, 02 thị xã và 08 huyện.

TT	Địa phương	Dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	Huyện Sơn Dương	15.116	97,90
2	Thành phố Tuyên Quang	170	1,10
3	Huyện Yên Sơn	81	0,52
4	Huyện Hàm Yên	34	0,22
5	Huyện Chiêm Hóa	31	0,20

6	Huyện Lâm Bình	04	0,02
7	Huyện Na Hang	04	0,02
TỔNG		15.440	100

Nguồn. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019

Trong tác phẩm *Kiến văn tiểu lục*, nhà bác học Lê Quý Đôn (1723-1782) nhắc tới các giống người ở xứ Tuyên Quang (Tuyên Quang xưa rộng hơn tỉnh Tuyên Quang hiện nay). Có 07 chủng tộc người Man, trong ấy có 03 chủng tộc Sơn Trang, Sơn Từ và Cao Lan, mặc áo chàm xanh, tay áo rộng, hoặc áo màu trắng, để tóc dài, búi tóc nhọn; 03 chủng tộc Sơn Man, Sơn Bán và Sơn Miêu cũng thế; 02 chủng tộc Hán Văn và Báo Toàn cắt tóc, chít khăn vải hoa, áo xanh, quần vải. Trên chép 07 chủng mà dưới trình bày thành 08 chủng tộc. (Đôn, 1977, tr.335)

Căn cứ vào tên tự nhận của đồng bào Sán Dìu, khi di cư vào Việt Nam do loạn lạc, người Sán Dìu chạy lên các vùng đồi núi thấp, bán sơn địa, dựng những túp lều sinh sống. Những ngày đầu trên đất Việt Nam, người Sán Dìu sống du canh du cư, nay đây mai đó, họ dựng những túp lều hay những nhà trại. Do vậy, từ “San Léo” dùng để chỉ người làm ăn sinh sống và ở những lều trại trong rừng, từ “Dzan Léo - Sán Lều” đọc trại là San Déo - người Sán Dìu. Qua những trang gia phả của dòng họ Đỗ dân tộc Sán Dìu ở xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang có đoạn: Tổ đại trở về nguyên tổ cư trú tại Quảng Yên xứ, Hải Đông phủ, Tiên Yên châu, Cẩm Phá xã, Thạch Long thôn (廣安處海東府先安州錦普社石龍村) bấy đời an cư lạc nghiệp. Đến năm Giáp Thân (năm Minh Mạng thứ năm) ân thiên thời biến dịch loạn ác thú lương dân đói khát khó sinh tồn. Thiết nghĩ sinh phương thì năm đó di cư đến Sơn Tây xứ, Vĩnh Tường phủ, Tam Dương huyện, Đạo Trù xã, Đạo Trù thôn (山西處永祥府三陽縣稻疇社稻疇村) (Truyền, 2016). Vậy, tại thời điểm năm Minh Mạng thứ 5 (Giáp Thân, 1824), dòng họ Đỗ di cư từ Thạch Long thôn lên Đạo Trù thôn (nay thuộc xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc).

4.3. Tri thức địa phương của người Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Hoạt động khai thác các nguồn lợi tự nhiên được dân tộc Sán Dìu thực hiện từ rất sớm. Khi hoạt động sản xuất còn chưa phát triển, mọi sinh hoạt của dân tộc Sán Dìu chủ yếu dựa vào việc khai thác các nguồn lợi từ tự nhiên. Đến nay, dù kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, các khu rừng tự nhiên bị thu hẹp,

rừng sản xuất đã có chủ, nhưng việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên vẫn còn. Điều đó cho thấy, hoạt động khai thác các nguồn lợi tự nhiên có vai trò quan trọng trong đời sống của người Sán Dìu. Hoạt động khai thác các nguồn lợi tự nhiên diễn ra quanh năm, mùa nào thức đó, khi cần người Sán Dìu lên rừng, xuống suối, ra biển tìm kiếm, thu lượm những sản vật mình cần. Hoạt động này cũng huy động được nhiều thành phần, từ người già đến người trẻ, nam hay nữ đều có thể tham gia.

Dân tộc Sán Dìu cư trú trên một dải bán sơn địa rộng lớn có rừng, núi đồi, đồng bằng, sông suối. Ngoài những hoạt động sản xuất thường niên, người Sán Dìu còn khai thác lâm thổ sản, săn bắn và đánh bắt thủy sản để cung cấp những nhu cầu thiết yếu cho đời sống của đồng bào. Thiên nhiên đã ưu đãi cho con người nơi đây những sản vật quý có giá trị cao như: các loại gỗ lim, sến, dẻ, trò; các loại tre, nứa, lá được đồng bào khai thác một phần để dùng trong việc dựng nhà, đóng đồ dùng, vật dụng trong gia đình, phần còn lại được đồng bào đem bán, trao đổi góp phần tăng thêm thu nhập cho gia đình. Các thực phẩm từ rừng như: củ từ, củ mỡ, củ nâu, quả trám, quả sấu... cũng được đồng bào dùng để cải thiện bữa ăn trong những ngày giáp hạt.

Về khai thác các nguồn lợi tự nhiên: Dân tộc Sán Dìu phân công lao động theo giới, phù hợp với thể trạng của từng thành viên trong gia đình, cụ thể: đàn ông khỏe mạnh đi xẻ gỗ, săn bắn, vận chuyển lâm thổ sản về nhà,... phụ nữ, trẻ em đi lấy măng, lấy củi, hái các loại nấm và các loại dược liệu quý,... Đối với những sản vật quý là các loại thú rừng như hổ, báo, gấu, nai, hoẵng, lợn rừng, gà, các loại chim,... từ xa xưa, đồng bào có những cách săn bắn, bẫy rất độc đáo. Chẳng hạn, bẫy sừng, nỏ để tiêu diệt những con mãnh thú như hổ, báo, trâu rừng,... Bẫy chuông là bẫy để bắt được những con thú còn sống, không làm chúng bị thương và con mồi cũng được an toàn nhờ vào cái chuông bẫy có hai ngăn, khi con thú vào bẫy, nẫy sập xuống, đồng thời ngăn con mồi sang ô chuông an toàn. Bẫy sạt, loại này phải dựa vào địa hình dốc để khi con thú đi lên giắt bẫy, trượt chân xuống hào sâu, bị chông tre sắc nhọn cắm sẵn dưới hào,... Những cách bẫy đơn giản, nhưng dễ dàng hạ gục các con thú bằng những vũ khí đơn giản, có khi chỉ là súng kíp, chông, dao, giáo, nỏ,... Ngoài ra, có cả sự tham gia của những chú chó giúp chủ tìm, bắt con mồi. Những con thú săn bắt được dùng để cải thiện bữa ăn trong gia đình hoặc dùng làm thuốc chữa bệnh. Trước đây, người Sán Dìu thường có hai hình thức đi săn là đi săn cá nhân và đi săn tập thể (đi săn theo nhóm, nhiều người). Những người đi săn chủ yếu là đàn ông,

hiếm khi có phụ nữ tham gia vì săn bắn cần có sức khỏe, đôi khi nguy hiểm đến tính mạng. Người đi săn chuyên nghiệp chủ yếu dựa vào rừng núi để làm kế sinh nhai và coi săn bắn là nghề chính, còn người săn bán chuyên nghiệp (chiếm số đông) thường chỉ tổ chức đi săn vào những dịp nông nhàn hay những dịp đầu xuân nhằm mục đích vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe cho thêm phần dẻo dai và lấy may mắn đầu năm.

Trong khai thác các sản vật tự nhiên được người Sán Dìu khai thác một cách có hiệu quả nhằm phục vụ nhu cầu sống của gia đình. Hình thái kinh tế tự nhiên này góp phần huy động sức lao động của tất cả các thành viên, song chủ yếu được thực hiện vào lúc nông nhàn hoặc tranh thủ, còn hoạt động chủ đạo trong kinh tế của người Sán Dìu là trồng trọt và chăn nuôi.

Về canh tác sản xuất trồng trọt: Sản xuất nông nghiệp với ruộng lúa, nương ngô, đồi chè, chăn nuôi gia súc, gia cầm trong phạm vi gia đình là hoạt động sinh kế chủ đạo trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Đặc điểm chung về không gian cư trú của người Sán Dìu ở vùng bán sơn địa là nhà ở thường trên những gò đồi; chân núi phía trước nhà có những cánh đồng lúa xanh ngát; sau nhà là những cánh rừng nên rất thuận tiện trong sản xuất nông nghiệp. Trải qua nhiều thế hệ sinh sống, lập nghiệp trên vùng đất trung du miền núi đất đai khô cằn sỏi đá, không mấy thuận lợi, với bản tính cần cù, sáng tạo, thích ứng nhanh với điều kiện tự nhiên, dân tộc Sán Dìu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Điều này được thể hiện ở chu kỳ sản xuất nông nghiệp trong năm theo lịch âm. Bên cạnh đó, người Sán Dìu cư trú chủ yếu ở các triền đồi, hội tụ đầy đủ mọi dạng địa hình như đồi núi, đồng bằng và sông suối nên người dân canh tác sản xuất trồng trọt trên nhiều loại ruộng khác nhau như: Ruộng bậc thang (cao thén; Ruộng đất pha cát/ bãi (láy pha sa/ phô); Ruộng thấp (láy thén/ Tày thén); Ruộng nương (láy xé/ xoe); Ruộng lầy thụt, ruộng chăm (xim phang thén/ lang phang thén),... Để chăm bón cây trồng tốt, cho năng suất cao, đồng bào đã biết tận dụng các lợi thế của tự nhiên, sáng tạo, cần cù, chăm chỉ. Câu tục ngữ “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” đã khái quát những yếu tố cốt lõi để sản xuất nông nghiệp hiệu quả. Bên cạnh đó, người Sán Dìu đã biết tận dụng các nguồn nước ở khe, suối, dẫn về bằng mương, máng,... đắp đập, đào ao để tích nước vào mùa khô, đồng thời nuôi cá,... Nhờ sự chủ động, cần cù, chăm chỉ của người Sán Dìu trong việc lựa chọn những loại giống cây trồng tốt ngay từ khi thu hoạch và bảo quản nên cây trồng luôn khỏe

manh, sinh trưởng tốt và cho năng suất ổn định. Từ thực tiễn canh tác trên, nhiều loại ruộng ở nhiều dạng địa hình khác nhau nên cơ cấu cây trồng của dân tộc Sán Dìu rất đa dạng, từ các loại cây lương thực có chất tinh bột cao đến các loại hoa màu bốn mùa xanh tốt như: Lúa (vô) là cây lương thực chính, chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp. Lúa được gieo trồng trên các loại ruộng, nên phương thức canh tác có sự khác nhau. Gieo cây lúa ở ruộng nước chủ yếu là ruộng lầy thụt, ruộng bậc thang, những nơi chủ động được nguồn nước. Việc cày bừa do nam giới đảm trách, việc cấy do phụ nữ làm là chính. Những gia đình ít người thì đàn ông cũng tham gia cấy hay nhờ họ hàng, làng xóm hoặc đổi công. Trong canh tác sản xuất trên loại ruộng thứ hai là gieo trồng lúa ở ruộng khô, chủ yếu là nương đồi, bãi. Người Sán Dìu làm sạch cỏ và phương thức gieo trồng là chọc lỗ tra hạt, hoặc vãi tay để thóc giống dần đều trên bề mặt ruộng. Những loại lúa này thường chịu được ít nước và đồng bào cũng có những loại nếp nương, tuy năng suất không cao nhưng chất lượng của lúa nếp thơm ngon.

Ngoài ra, Ngô (mac) cũng là cây lương thực chính, được người Sán Dìu trồng nhiều để chế biến các món ăn, đồ uống trong gia đình. Trong chăn nuôi, thân lá cây ngô cũng được tận dụng để cho trâu bò ăn. Ngô có nhiều loại, nhưng chủ yếu là hai loại chính: ngô tẻ (pạc mac), ngô nếp (nô máy mac). Bên cạnh đó, người Sán Dìu còn canh tác nhiều giống khoai, sắn, lạc khác nhau,... Để canh tác sản xuất hiệu quả, dân tộc Sán Dìu đã sáng tạo ra nhiều nông cụ để giải phóng sức lao động, giúp cho việc sản xuất được tiện lợi hơn như: cây (láy), bừa (phá), chiếc cào bàn (thui pha), chiếc cuốc bàn (bong thoi), chiếc vàng dùng để gặt lúa (vỏ lém), liềm (lem), vỏ đập đất (vang xui), gầu tát nước (tẹo tán), dao quắm (quay chũm tao), xẻng (xán),...

Về hoạt động chăn nuôi: Người Sán Dìu chăn nuôi các loại gia súc như: nuôi lợn để lấy thịt, lấy phân; nuôi trâu, bò để lấy sức kéo, lấy thịt và phân bón cây trồng; nuôi các loại gia cầm như gà, vịt, ngan, ngỗng... chủ yếu để lấy trứng và thịt. Chăn nuôi theo phương thức hộ gia đình. Trong mỗi gia đình đều có vật nuôi, ít thì vài con, nhiều lên tới mấy chục con gia súc và hàng ngàn con gia cầm. Phương pháp chăn nuôi chủ yếu là thả tự nhiên. Ngoài nuôi gia súc, gia cầm, đồng bào còn biết tận dụng mặt nước ao, hồ, biển để nuôi các loài thủy hải sản. Ở những nơi đồi núi, đồng bào nuôi ong để lấy mật. Quy mô chăn nuôi của dân tộc Sán Dìu là quy mô gia đình. Mỗi gia đình chỉ nuôi đủ dùng trong gia đình vào mỗi dịp lễ tết, hay được dùng làm lễ vật khi cần trong các công việc của gia đình như: cưới

xin, sinh nhật, tang ma, giải hạn, tạ nhà... Ít gia đình nuôi nhiều để phát triển thành hàng hóa, có chăng chỉ là nuôi nhiều, khi dùng không hết thì mới đem bán hay trao đổi để mua sắm thêm đồ dùng vật dụng trong gia đình.

5. Thảo luận

TTĐP của người Sán Dìu đã góp phần duy trì, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống cộng đồng, bên cạnh đó người Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang đã kết hợp một cách khéo léo, có chọn lọc về giống cây trồng, vật nuôi, các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng phục vụ phát triển kinh tế hộ gia đình. TTĐP còn giúp đồng bào Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang khai thác hiệu quả các nguồn lợi từ tự nhiên dựa vào kinh nghiệm và tập quán pháp về các quy tắc của cộng đồng đề ra trong săn bắn, hái lượm, trong khai thác và sử dụng các dạng tài nguyên đất, nước, rừng,... nhờ những TTĐP đó nên cộng đồng dân tộc Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang bảo tồn tốt hệ sinh thái tự nhiên cũng như hệ sinh thái nhân văn. Khi nhắc đến người Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang là nhắc đến một cộng đồng người thiểu số có những thành tựu lớn trong phát triển KT-XH, kết quả đạt được ngoài sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp tỉnh Tuyên Quang còn phải nói đến cộng đồng người Sán Dìu phát triển hiệu quả và bền vững khi kết hợp hài hòa giữa việc gìn giữ các TTĐP với các tri thức khoa học, kỹ thuật của thời đại. Khi đến với cộng đồng ngoài chứng kiến những thành tựu lớn lao về điện, đường, trường, trạm khang trang, rộng đẹp ta còn thấy đồng bào với trang phục truyền thống, nghề thuốc nam từ những dược liệu tự nhiên được lấy từ dãy núi Tam Đảo, hay những mặt hàng từ rừng như nấm hương, mộc nhĩ, măng rừng, mật ong hoặc những cánh đồng bông lúa trĩu hạt,... tất cả những yếu tố đó đang hiện hữu sinh động trong đời sống phát triển KT-XH của người Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang nhờ vào việc duy trì có hiệu quả của TTĐP trong đời sống đương đại.

6. Kết luận

Tri thức địa phương có vai trò to lớn trong đời sống hiện nay khi biết khai thác, sử dụng chất lọc, khoa học thì hiệu quả mang lại vô cùng lớn lao và có tác động tốt đến đời sống và phát triển KT-XH của đồng bào Sán Dìu. Trong đời sống người Sán Dìu ở tỉnh Tuyên Quang là một minh chứng rõ nét và sinh động của việc khai thác và sử dụng hợp lý TTĐP và các thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong đời sống và phát triển KT-XH của người Sán Dìu. Điều đó khẳng định nhiều TTĐP vẫn còn nguyên giá trị và có tác động to lớn khi biết kết hợp hài hòa giữa TTĐP với tri thức khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Đôn, L. Q. (1977). *Kiến văn tiểu lục*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Điền, T. V., & Sơn, H. N. (2014). Kiến thức bản địa của người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trong thích ứng với biến đổi khí hậu. Hội thảo quốc tế *Phát triển bền vững và xoá đói giảm nghèo cho các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, tháng 6/2014.
- Giang, V. T. (2010). Bảo tồn tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Hoạt động Khoa học của Bộ Khoa học và Công nghệ*, số 619, tháng 12/2010.
- Hoan P.Q. (2005). *Tri thức địa phương (tri thức truyền thống) của các dân tộc thiểu số Việt Nam trong đời sống xã hội đương đại*. Thông báo Dân tộc học. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Ellen, Roy & Harris, Holly (2010). “Giới thiệu”, *Tri thức bản địa về môi trường và những biến đổi: các quan điểm nhân học phê phán*. Hà Nội: Nxb. Thế Giới.
- Ủy ban Dân tộc. (2020). *Tổng hợp kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- UNESCO. (2010). *Teaching and Learning for a Sustainable Future*.
- Tý, H. X., & Cúc, L. T. (1998). *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*. Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
- Truyền, Đ. V. (2016). *Tri thức bản địa của người Sán Dìu*. Phòng văn sâu tại thôn Ninh Phú, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
- Warren, D. M. (1991). *Using Indigenous Knowledge in Agricultural Development*. World Bank Discussion. Washington, DC World Bank.

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGƯỜI SÁN DÌU GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TUYÊN QUANG

Lê Thị Bích Thủy^a
Trần Quốc Hùng^b

Học viện Dân tộc

Email: ^alebichthuyhcm@gmail.com; ^bhungtq@hvdt.edu.vn

Nhận bài: 17/5/2024; Phản biện: 24/5/2024; Tác giả sửa: 27/5/2024; Duyệt đăng: 28/5/2024; Phát hành: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/314>

Tri thức địa phương là một kho tàng kiến thức rộng lớn và quý báu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đây là một trong những yếu tố cấu thành bản sắc văn hóa của từng tộc người góp phần làm phong phú bản sắc văn hoá truyền thống Việt Nam. Trong quá trình phát triển, những tri thức địa phương của tộc người trong lao động sản xuất, quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên,... đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển các kỹ thuật canh tác sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng đời sống của từng tộc người ở từng địa phương, vùng miền. Bài viết khái quát về tri thức địa phương của người Sán Dìu ở tỉnh Tuyên Quang để thấy được sự sáng tạo, đa dạng trong văn hoá tộc người và là tiềm năng để khai thác phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang.

Từ khóa: Tri thức địa phương; Người Sán Dìu; Tỉnh Tuyên Quang.